

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HS-ST

Ngày: 09 -8-2021

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trịnh Thị Thủy.

2/ Bà Nguyễn Thị Trung Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ – HPT ngày 23 tháng 6 năm 2021 và Thông báo số 03/2021/TB – TA ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Bị cáo **Ngô Quang M** – Sinh ngày 20 tháng 7 năm 1958, tại: Thừa Thiên Huế; Trú tại: Tổ dân phố A1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô Quang S – sinh năm 1931 (đã chết) và bà Vũ Thị L – sinh năm 1934 (đã chết); Vợ: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1959, con: có 02 con, con lớn sinh năm 1984 và con nhỏ sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

2/ Bị cáo **Phạm Thị Kiều T** – Sinh ngày 02 tháng 4 năm 1979, tại: Bình Định; Trú tại: Tổ dân phố A2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Lê Thị Hồng X – sinh năm 1954; Chồng: Ông Trần Văn P – Sinh năm 1978; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

3/ Bị cáo **Phạm Không Q** – Sinh ngày 25 tháng 12 năm 1981, tại: Bình

Định; Trú tại: Tổ dân phố A2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Lê Thị Hồng X – sinh năm 1954; Vợ: Bà Nguyễn Thị V – Sinh năm 1982; Con: có 01 sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1997 bị UBND thị trấn Đ xử phạt hành chính 03 ngày lao động về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; Năm 1998 bị Công an thị trấn Đ xử phạt cảnh cáo về tội “Trộm cắp tài sản công dân”; Ngày 18/6/1999 bị Tòa án nhân dân huyện Đ xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng (Đã chấp hành).

Tạm giam: Ngày 06/8/2021 cho đến ngày 09/8/2021. “*Có mặt*”.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/Ông Ngô Quang M – Sinh năm 1958

Trú tại: Tổ dân phố A1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

2/Bà Phạm Thị Kiều T – Sinh năm 1979

Trú tại: Tổ dân phố A2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

3/Ông Phạm Không Q – Sinh năm 1981

Trú tại: Tổ dân phố A2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”.

***Người làm chứng:**

1/Chị Nguyễn Phương Y – Sinh năm 1989

Địa chỉ: A3, phường A4, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. “*Vắng mặt*”.

2/Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ dân phố A1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. “*Có mặt*”

3/Ông Bùi Văn H – Sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ dân phố A5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng “*Vắng mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cuối năm 2015, Phạm Thị Kiều T là chủ đoàn lô tô P1, chuyên tổ chức hội chợ lưu động tại nhiều địa phương khác nhau. Trong dịp tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016, Phạm Thị Kiều T muốn đưa đoàn lô tô PT của mình về tổ chức tại thị trấn Đ. Vì vậy, ngày 04/11/2015, T đã làm đơn và nhờ em trai là Phạm Không Q mang hồ sơ đến nộp tại Phòng Văn hóa Thể thao huyện Đ xin tổ chức Hội chợ xuân năm 2016. Khi Q đem hồ sơ đến Phòng VH TT Huyện Đ thì bị cáo Ngô Quang M đang giữ chức vụ là Trưởng phòng nói hồ sơ còn thiếu nhiều thủ tục, nói Q về làm lại. Sau đó, Q điện thoại báo cho T biết việc nộp hồ sơ còn thiếu nhiều thủ tục, muốn nhanh thì phải có tiền bồi dưỡng. Sau đó, T nói Q đi mượn 5.000.000 đồng để đưa tiền bồi dưỡng cho bị cáo M, Q đồng ý và đi mượn

5.000.000 đồng bỏ vào phong bì và tìm đến nhà bị cáo M để đưa quà và số tiền trên bồi dưỡng cho bị cáo M hướng dẫn làm thủ tục. Lúc này, Bị cáo M đã nhận quà, tiền và hứa sẽ giải quyết cho đoàn lô tô của T được biểu diễn ở thị trấn Đ trong dịp tết. Khoảng mấy ngày sau, Q đã làm lại các thủ tục rồi mang đến Phòng VHTT Huyện Đ nộp, nhưng bị cáo M xem xong nói chưa được về làm lại. Vì vậy, Q nghĩ bị cáo M chưa nhận hồ sơ vì chê số tiền bồi dưỡng ít, nên Q nói bị cáo T chuẩn bị thêm 5.000.000 đồng tiền mặt bỏ phong bì. Sau đó, Q đến nhà gặp bị cáo M nộp hồ sơ, chủ động đưa thêm phong bì có số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo M xem lại hồ sơ và nói vẫn chưa được, hướng dẫn Q về làm lại giấy phép kinh doanh, nội dung biểu diễn. Thời gian sau, bị cáo T đã làm lại giấy phép đăng ký kinh doanh và bổ sung giấy phép của Sở VHTT tỉnh Bình Định rồi trực tiếp mang hồ sơ đến Phòng VHTT huyện Đ nộp cho bị cáo M. Sau khi xem hồ sơ của T, bị cáo M nói “được” và nói T về chuẩn bị sân bãi. Lúc này, T xin tổ chức hội chợ tại khu đất trống gần Đài tưởng niệm liệt sỹ cũ của huyện nhưng bị cáo M nói không được, vị trí đó đang xây dựng Quảng trường Đ. Sau đó, T thấy ở cạnh Cơ quan Điện lực Đ có 01 lô đất trống có thể tổ chức Hội chợ nên muốn hỏi bị cáo M xin ý kiến. Khi đến nhà bị cáo M, T đã chuẩn bị thêm 10.000.000 đồng tiền mặt bỏ vào phong bì và đến nhà đưa cho bị cáo M. Lúc này, bị cáo M nhận phong bì và đồng ý cho bị cáo T tổ chức hội chợ xuân 2016 tại lô đất cạnh Điện lực Đ, nói T về chuẩn bị sân bãi. Sau đó, T nói với bị cáo M muốn có giấy phép của huyện rồi mới thuê sân bãi nhưng bị cáo M nói “anh đã nói được là được, cứ về chuẩn bị sân bãi”. Do T tin tưởng lời nói của bị cáo M nên đã chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc tổ chức Hội chợ xuân năm 2016 tại thị trấn Đ. Đến ngày 24/01/2016 (ngày 15/12/2015 âm lịch) vẫn chưa có giấy phép của huyện, T chuẩn bị 01 gói quà tết đến biểu bị cáo M và hỏi xem khi nào có giấy phép của huyện. Lúc này, bị cáo M nói năm 2016, huyện cho 02 đoàn lô tô cùng tổ chức Hội chợ xuân. Nghe vậy, T cảm thấy bức xúc vì bị cáo M đã nhận tiền bồi dưỡng rồi mà cho đoàn lô tô khác cùng tổ chức Hội chợ. Đến ngày 18/12/2015 âm lịch, bị cáo M lại điện thoại báo cho T biết không cho đoàn lô tô của T tổ chức hội chợ xuân tại Thị trấn Đ. Vì vậy, T đã làm đơn tố cáo bị cáo M gửi UBND huyện Đ, Thanh tra của UBND huyện Đ đã tổ chức xác minh đơn tố cáo. Đến ngày 25/02/2016, T tiếp tục gửi đơn đến Công an huyện và VKSND huyện Đ tố cáo hành vi của bị cáo M. Tại Cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ các bị cáo Ngô Quang M, Phạm Thị Kiều T và Phạm Không Q đã khai nhận toàn bộ hành vi mà mình đã thực hiện, đồng thời bị cáo Ngô Quang M cũng đã trả lại toàn bộ tài sản đã nhận và bồi hoàn số tiền tồn thất nên ngày 06/04/2016, Phạm Thị Kiều T có đơn xin rút lại đơn tố cáo.

Ngày 27/04/2016, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Đ đã nhận định hành vi chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên ra Quyết định Không khởi tố vụ án hình sự, được VKS huyện Đ thống nhất. Tháng 12/2019, Đoàn công tác số 01 của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng nhận định đối với việc ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với nguồn tin về tội phạm trên là không đúng pháp luật, bỏ lọt tội phạm. Ngày 10/8/2020, VKS huyện Đ đã ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án “nhận hối lộ” quy định tại Điều 279 BLHS năm 1999. Ngày 25/08/2020, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội “nhận

hối lộ” theo Điều 279 BLHS năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với vụ việc trên.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKSĐT ngày 14/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo như sau:

Bị cáo Ngô Quang M, về tội “Nhận hối lộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c Khoản 2, Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009);

Các bị cáo Phạm Thị Kiều T và Phạm Không Q, về tội “Đưa hối lộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Vận dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ, Khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt:

-Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2, Điều 279 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo Ngô Quang M từ 30 (*Ba mươi*) tháng đến 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

-Áp dụng Khoản 2 Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ, Khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kiều T, từ 18 (*Mười tám*) tháng đến 24 (*Hai mươi bốn*) tháng cải tạo không giam giữ.

-Áp dụng Khoản 2 Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ, Khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Không Q, từ 15 (*Mười lăm*) tháng đến 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo Ngô Quang M, bị cáo Phạm Thị Kiều T và bị cáo Phạm Không Q nói lời sau cùng: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và các bị cáo đều ân hận về hành vi sai trái của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận:

Vào đầu tháng 11/2015 bị cáo Phạm Thị Kiều T muốn đưa đoàn lô tô P1 của bị cáo về tổ chức tại thị trấn Đ trong dịp tết Nguyên đán Bính Thân năm 2016. Vì vậy, ngày 04/11/2015, bị cáo T nhờ bị cáo Phạm Không Q là em trai của bị cáo T mang hồ sơ đến nộp tại Phòng Văn hóa Thể thao huyện Đ xin tổ chức Hội chợ xuân năm 2016. Tại thời điểm này, bị cáo Ngô Quang M giữ chức vụ là Trưởng phòng Văn hóa thể thao huyện cho biết hồ sơ còn thiếu nhiều thủ tục phải làm lại. Sau đó, bị cáo Q và bị cáo T sử dụng số tiền 5.000.000 đồng bỏ vào phong bì, kèm theo quà đến nhà bị cáo M với mục đích bồi dưỡng cho bị cáo M. Khoảng mấy ngày sau, bị cáo Q đem hồ sơ đến nhưng bị cáo M xem xong nói chưa được về làm lại. Vì vậy, bị cáo Q và bị cáo T chuẩn bị thêm 5.000.000 đồng tiền mặt bỏ phong bì đưa cho bị cáo M nhưng vẫn chưa được và tiếp tục làm lại giấy phép kinh doanh, nội dung biểu diễn. Thời gian sau, bị cáo T trực tiếp đến Phòng VH TT huyện Đ nộp hồ sơ cho bị cáo M và bị cáo M nói bị cáo T về chuẩn bị sân bãi. Sau đó, bị cáo T chuẩn bị thêm 10.000.000 đồng tiền mặt bỏ vào phong bì và đến nhà đưa cho bị cáo M. Đến ngày 18/12/2015 âm lịch bị cáo M điện thoại báo cho bị cáo T biết không cho đoàn lô tô của bị cáo T tổ chức hội chợ xuân tại Thị trấn Đ. Nên bị cáo T đã làm đơn tố cáo bị cáo M nhận hối lộ với tổng số tiền 20.000.000 đồng.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Ngô Quang M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Nhận hối lộ” quy định điểm c **khoản 2 Điều 279** của Bộ luật hình sự năm 1999. Hành vi của các bị cáo Phạm Thị Kiều T, Phạm Không Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đưa hối lộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Vận dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ, Khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Đây là vụ án “Nhận hối lộ” và “Đưa hối lộ” do các bị cáo Ngô Quang M, Phạm Thị Kiều T và Phạm Không Q thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy xâm hại đến hoạt động đúng đắn và uy tín của cơ quan, tổ chức, xâm phạm

đền quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, các bị cáo thực hiện hành vi phạm của mình với lỗi cố ý. Xét về hành vi và nhân thân của từng bị cáo thấy rằng:

Đối với bị cáo Ngô Quang M chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo đã tự nguyện trả lại cho Phạm Thị Kiều T số tiền 20.000.000đ. Bị cáo Phạm Thị Kiều T và bị cáo Phạm Không Q vừa giữ vai trò là bị cáo vừa giữ vai trò là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có đơn bãi nại đối với bị cáo M; Mặt khác, bản thân bị cáo M hiện nay đang phải điều trị bệnh hiểm nghèo “ung thư bàng quang” và trong công tác bị cáo đã có nhiều thành tích, bị cáo có cha mẹ tham gia kháng chiến... Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo M ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích mà vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

Trong vụ án này, đối với bị cáo Phạm Thị Kiều T và bị cáo Phạm Không Q đã tham gia thực hiện một cách tích cực trong việc đưa tiền cho bị cáo M nhưng bị cáo T và bị cáo Q không có sự câu kết chặt chẽ và phân công vai trò của từng người, nên vụ án chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện hành vi đưa hối lộ. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Quá trình điều tra bị cáo T và bị cáo Q đều thành khẩn khai báo, giúp Cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra xác minh làm rõ vụ việc. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS. Xét về nhân thân của bị cáo T thấy rằng bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú ổn định. Ngoài ra, đối với bị cáo Q mặc dù có nhân thân xấu nhưng thời gian đã lâu, bị cáo đã chấp hành xong. Bị cáo đã nhận thức được các hành vi của mình là sai trái đồng thời bị cáo cũng có nơi cư trú ổn định và hiện tại bị cáo Q là lao động chính trong gia đình.

Từ những phân tích trên, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo T, bị cáo Q ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo thành người hữu ích mà vẫn đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật. Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy vai trò, mức độ thực hiện hành vi đưa hối lộ của bị cáo T trong vụ án cao hơn so với bị cáo Q, do vậy bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo Q.

Xét thấy, thu nhập của các bị cáo không ổn định nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo là phù hợp

[4] Trong vụ án này, còn có Bùi Văn H là Chủ tịch UBND huyện Đ Trong quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an huyện xác định: bị cáo M có báo cáo cho ông Bùi Văn H biết về việc bị cáo T đã bồi dưỡng số tiền 15.000.000 đồng. Ông H có chỉ đạo bị cáo M nhập số tiền đó vào quỹ cơ quan để sau tết chỉ đạo xác minh làm rõ, xử lý theo quy định. Cơ quan CSĐT Công an huyện đã làm việc xét

thấy, ông H không bao che dung túng việc bị cáo M nhận tiền bồi dưỡng của bị cáo T. Thời điểm này ông H do chỉ nghe bị cáo M báo cáo một phía, đồng thời trùng với thời điểm giáp tết ông H bận giải quyết nhiều công việc khác của địa phương nên chưa có thời gian chỉ đạo, xác minh để làm rõ vụ việc. Vì vậy, việc CQĐT không đặt ra vấn đề xử lý trách nhiệm đối với ông H trong vụ án trên là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Phạm Thị Kiều T đã nhận lại được số tiền 20.000.000đ nên không yêu cầu bồi thường gì nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ, xử lý: Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Thị Kiều T cung cấp dữ liệu điện tử là 01 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo T và bị cáo M liên quan đến việc bị cáo M nhận quà biếu và tiền của bị cáo T và bị cáo Q nhưng không giúp được cho bị cáo T tổ chức hội chợ ở thị trấn Đ, được copy vào 01 USB. Vật chứng trên là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo M và được lưu kèm theo hồ sơ vụ án. Nhận thấy, đây là vật chứng vụ án nên cần tiếp tục lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Ngô Quang M** phạm tội “*Nhận hối lộ*”, các bị cáo **Phạm Thị Kiều T, Phạm Không Q** phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

-Áp dụng khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 279 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Ngô Quang M 33 (Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 60 tháng. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Ngô Quang M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 và Điều 36 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kiều T 18 (*Mười tám*) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 289 Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm đ, Khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s, t khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Không Q 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo T, bị cáo Q không bị khấu trừ thu nhập.

Giao các bị cáo Phạm Thị Kiều T, bị cáo Phạm Không Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Căn cứ Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố trả tự do cho bị cáo Phạm Không Q ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, dữ liệu điện tử là 01 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bị cáo T và bị cáo M liên quan đến việc bị cáo M nhận tiền và quà biếu của bị cáo T và bị cáo Q được copy vào 01 USB, tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Ngô Quang M, Phạm Thị Kiều T và Phạm Không Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người có QL&NVLQ;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Thủy

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Nguyễn Thị Trung Lan

